**BM II.3-TMĐTXH**

…/2024/TT-BKHCN

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**………**

|  |
| --- |
|  |

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP BỘ**

**TÊN ĐỀ TÀI: …**

**Tổ chức chủ trì:**

**Chủ nhiệm đề tài:**

**….. - 20…** *(chữ in hoa cỡ chữ 14)*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP BỘ**

**TÊN ĐỀ TÀI: …**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  *(Ký ghi rõ họ và tên)* | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* |

**……, Năm 20...**

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP BỘ**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

**1. Tên đề tài**

**2. Loại đề tài:**

Chương trình (Ghi rõ tên chương trình):..................................................

Độc lập

Khác

**3. Thời gian thực hiện:**……….tháng

(Từ tháng /20… đến tháng /20…)

**4.** **Tổng kinh phí thực hiện:** ........................... **triệu đồng, trong đó:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn** | **Kinh phí***(triệu đồng)* |
| - Từ ngân sách nhà nước |  |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |  |

**5.** **Đề nghị phương thức khoán chi:**

|  |  |
| --- | --- |
| Khoán đến sản phẩm cuối cùng | Khoán từng phần, trong đó: |
|  | - Kinh phí khoán: …………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: …….….triệu đồng |

**6. Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.............................................Số định danh cá nhân:..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....................................................................

Chức danh nghề nghiệp[[1]](#footnote-1): ......................................Chức vụ.........................................

Điện thoại: …………………………E-mail:..............................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................................

Địa chỉ tổ chức:.........................................................................................................

**7. Thư ký khoa học của đề tài**

Họ và tên:.............................................Số định danh cá nhân:..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....................................................................

Chức danh nghề nghiệp: ......................................Chức vụ.........................................

Điện thoại: …………………………E-mail:..............................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................................

Địa chỉ tổ chức:.........................................................................................................

**8. Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .............................................................................................

Mã số tổ chức:………………………………………………………………………..

Điện thoại: ..................................................................................................................

Website: ......................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ......................................................................................

Số tài khoản: ........................................tại kho bạc Nhà nước......................................

Ngân hàng: ............................................................................................................

**9. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)*

**9.1. Tên tổ chức 1** : .....................................................................................................

Mã số tổ chức :………………………………………………………………………

Điện thoại: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....................................................................................

Tên cơ quan chủ quản: ................................................................................................

**9.2. Tên tổ chức 2** : .....................................................................................................

Mã số tổ chức :…………………………………………………………………….

Điện thoại: .................................... ..............................................................................

Địa chỉ: ........................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ....................................................................................

Tên cơ quan chủ quản: ..............................................................................................

**10. Thành viên thực hiện đề tài**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Chức danh thực hiện đề tài[[2]](#footnote-2)** | **Tổ chức công tác** |
| 1 |  | Chủ nhiệm đề tài |  |
| 2 |  | Thư ký khoa học |  |
| 3 |  | Thành viên chính |  |
| … |  | Thành viên chính |  |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**11. Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**12. Tình trạng của đề tài**

Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**13. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài**

**13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài**

(*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

(*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài*)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**14. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

*(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**15. Nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 20)*

**Nội dung 1 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 2:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 3 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**16. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*

* Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
* Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
* Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
* Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
* ........

**18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

***Cách tiếp cận***: ..............................................................................................................................................

***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

**19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

**20. Phương án hợp tác quốc tế** (nếu có)

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**21. Phương án thuê chuyên gia** (nếu có)

**21.1. Thuê chuyên gia trong nước**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

**21.2. Thuê chuyên gia trong nước**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |

**22. Tiến độ thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian**  (bắt đầu,  kết thúc) | **Cá nhân,  tổ chức  chủ trì\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| … | ***Nội dung n*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 6, 7, 8, 9, 10, 20*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

**23. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt**

*(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố**  (Tạp chí, Nhà xuất bản) | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**Dạng II:** Báo cáo khoa học (báo cáo công việc, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo giải pháp, kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác (nếu có).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**24. Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

**24.1. Lợi ích của đề tài** *(Tác động đến xã hội;**Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học)*

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

**24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

*(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

**25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** *(theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)*

**25.1. Phương án trang bị tài sản** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án b, c, d hoặc cả b, c, d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

**25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** *(tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **26** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia** (nếu có) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Chi khác** | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  | |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  | |
| 1 | Ngân sách nhà nước:  a. Kinh phí khoán chi:  b. Kinh phí không khoán chi: |  |  |  |  |  | |
| 2 | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước |  |  |  |  |  | |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | |
| **Chủ nhiệm đề tài**  *(Họ tên và chữ ký)* | | | **Tổ chức chủ trì đề tài** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | |
|  | | | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....*  **Cơ quan chủ quản 3***(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | |

**----------------------------**

*3 Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung các khoản chi[[3]](#footnote-3)** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn[[4]](#footnote-4)** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4=(6+8+10)* | *5=(7+9+11)* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | **Chi thù lao thực hiện đề tài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Thuê chuyên gia**  - Trong nước  - Nước ngoài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Số tháng quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên chính |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| 6 | Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

**DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Số TT** | **Nội dung công việc** | **Hệ số lao động khoa học** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm** | **Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh** | **Tổng thù lao thực hiện đề tài** | **Nguồn vốn[[5]](#footnote-5)** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=3x5x6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **I** | **Xây dựng thuyết minh đề tài** | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của chủ nhiệm đề tài[[6]](#footnote-6):** (TLCN = 1,0 x DMCN x 20% x T) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của thư ký khoa học:** (TLTK = 0,3 x DMCN x 20% x T) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Nội dung 1:...** Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Công việc 1.1: ...*** *Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 1.2…*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2: ...** Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.1: ...*** *Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Xây dựng báo cáo tổng kết** | Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Thuê chuyên gia** *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 20 của thuyết minh)*

*Đơn vị tính: triệuđồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức lương tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  |  |  | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn[[7]](#footnote-7)** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Vật tư, nguyên vật liệu dung chung*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2* | *Năng lượng, nhiên liệu* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Than |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Điện | kW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* | *Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung 2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:*

*- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do … ban hành tại các văn bản … và báo giá kèm theo.*

*- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.*

*2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.*

**Khoản 4. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **I** | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài[[8]](#footnote-8)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị**[[9]](#footnote-9) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Thiết bị công nghệ mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Bảo dưỡng, sữa chữa** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác** *(Định mức chi**theo quy định của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| **1** | **Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu, công tác trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hợp tác quốc tế** *(định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Kinh phí quản lý** *(bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 300 triệu đồng)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp Quốc gia)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương [↑](#footnote-ref-1)
2. Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính. [↑](#footnote-ref-2)
3. Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,… [↑](#footnote-ref-3)
4. Chỉ kê khai chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt [↑](#footnote-ref-4)
5. Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-5)
6. Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo quy định của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt [↑](#footnote-ref-7)
8. *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.* [↑](#footnote-ref-9)